|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **-------------** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTC |  | **----------------------------------------------------***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo**

**TỜ TRÌNH**

 **Về đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội**

**về miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp**

**-----------------------**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (SDĐNN) trong thời gian qua, từ đó lập hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN để gửi xin ý kiến Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và xin ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính, Chính phủ theo đúng quy định.

Bộ Tài chính trình Chính phủ đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN (sau đây gọi tắt là dự án Nghị quyết) như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN qua các thời kỳ**

Chính sách thuế SDĐNN được thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN năm 1993, Pháp lệnh thuế bổ sung đối với hộ gia đình SDĐNN vượt quá hạn mức diện tích năm 1994.

Theo quy định của Luật thuế SDĐNN thì tổ chức, cá nhân sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp phải nộp thuế SDĐNN. Đối tượng chịu thuế SDĐNN là đất dùng vào sản xuất nông nghiệp bao gồm đất trồng trọt; đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản; đất rừng trồng. Căn cứ tính thuế SDĐNN được xác định theo diện tích đất, hạng đất và định suất thuế tính bằng kg thóc trên một đơn vị diện tích của từng hạng đất (Trong đó: Hạng đất căn cứ vào các yếu tố: Chất đất, vị trí, địa hình, điều kiện khí hậu và thời tiết, điều kiện tưới tiêu; Định suất thuế (tính bằng kg thóc/ha) quy định riêng đối với từng loại đất (đối với đất trồng cây hàng năm và đất có mặt nước nuôi trồng thuỷ sản từ 50 kg đến 550 kg; đất trồng cây lâu năm từ 80 kg đến 650 kg; Cây ăn quả lâu năm trồng trên đất trồng cây hàng năm bằng 1,3 lần thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 1, 2, 3 và bằng thuế đất trồng cây hàng năm cùng hạng 4, 5, 6; riêng đối với cây lấy gỗ và các loại cây lâu năm thu hoạch một lần: 4% giá trị sản lượng khai thác). Giá thóc thu thuế do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sát giá thị trường và không được thấp hơn 10% so với giá thị trường địa phương.

Luật thuế SDĐNN quy định việc miễn, giảm thuế SDĐNN như sau: (i) Miễn thuế đối với đất đồi, núi trọc dùng vào sản xuất nông, lâm nghiệp, đất trồng rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; đối với các hộ nông dân là người tàn tật, già yếu không nơi nương tựa; đối với hộ nộp thuế có thương binh hạng 1/4 và 2/4, bệnh binh hạng 1/3 và 2/3; (ii) Miễn thuế có thời hạn đối với đất khai hoang dùng vào sản xuất; đất trồng cây lâu năm chuyển sang trồng lại mới và đất trồng cây hàng năm chuyển sang trồng cây lâu năm, cây ăn quả; hộ di chuyển đến vùng kinh tế mới khai hoang để sản xuất nông nghiệp; (iii) Giảm thuế trong trường hợp thiên tai, địch hoạ làm thiệt hại mùa màng; đối với hộ nộp thuế có thương binh, bệnh binh không thuộc diện miễn thuế mà đời sống có nhiều khó khăn; (iv) Miễn thuế hoặc giảm thuế đối với các hộ nông dân sản xuất ở vùng cao, miền núi, biên giới và hải đảo và đối với các hộ nông dân là dân tộc thiểu số mà sản xuất và đời sống còn nhiều khó khăn; đối với hộ nộp thuế là gia đình liệt sỹ.

Thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng và Nhà nước, đồng thời hỗ trợ đối với nông dân, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước đã có các quyết định mở rộng ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân và các đối tượng sản xuất nông nghiệp khác qua các giai đoạn như sau:

***a) Giai đoạn 2001 - 2002***

 - Năm 2001, thực hiện Nghị quyết số 24/1999/QH10 của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2001/NQ-CP ngày 24/5/2001 thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với hộ nghèo trong cả nước, hộ ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 và giảm 50% thuế SDĐNN đối với đất trồng lúa và cà phê.

 - Năm 2002, thực hiện Nghị quyết số 50/2001/QH10 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 199/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa và các hộ nghèo trong cả nước, đồng thời giảm 50% số thuế SDĐNN phải nộp đối với các hộ sản xuất nông nghiệp khác còn lại chưa được miễn thuế (hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác).

***b) Giai đoạn 2003 - 2010***

Năm 2003, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2010; đồng thời mở rộng đối tượng miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã. Cụ thể:

 - Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp nhận đất giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã để sản xuất nông nghiệp.

 - Miễn thuế SDĐNN trong hạn mức đối với hộ xã viên góp ruộng đất để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất của hộ nghèo, hộ sản xuất nông nghiệp ở xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp của đối tượng không thuộc diện được miễn thuế nêu trên và diện tích đất sản xuất nông nghiệp vượt hạn mức theo quy định của pháp luật đối với hộ nông dân, hộ nông trường viên và hộ sản xuất nông nghiệp khác.

***c) Giai đoạn 2011 - 2016***

Năm 2010, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 tiếp tục thực hiện miễn, giảm thuế SDĐNN như các năm trước đến hết năm 2020; đồng thời mở rộng diện được miễn, giảm thuế SDĐNN đối với một số đối tượng. Cụ thể:

- Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm; diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối; toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo.

- Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức giao đất nông nghiệp đối với: Hộ gia đình, cá nhân nông dân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất; Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp có quyền SDĐNN góp đất của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Giảm 50% số thuế SDĐNN ghi thu hàng năm đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp nhưng không quá hạn mức nhận chuyển quyền SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp; diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho đơn vị vũ trang nhân dân quản lý sử dụng.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

***d) Giai đoạn 2017 - 2020***

Năm 2016, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế SDĐNN. Theo đó, Nghị quyết cho phép miễn thuế SDĐNN đến hết năm 2020 cho các đối tượng còn lại, trừ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp (phải nộp 100% thuế SDĐNN trong thời gian chưa thu hồi theo quy định của pháp luật về đất đai).

**2. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua**

Tổng kết, đánh giá hơn 15 năm thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN thời gian qua cho thấy chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đã mang lại những kết quả quan trọng, cụ thể như sau:

***a) Góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn***

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong thời gian qua là giải pháp quan trọng góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong từng thời kỳ; góp phần khuyến khích các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích hình thức kinh tế trang trại, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, từ đó giúp người nông dân cải thiện đời sống, có thêm vốn tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp; đồng thời góp phần thúc đẩy quá trình chuyển dịch, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản Việt Nam trên thị trường.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN góp phần thực hiện mục tiêu đã đặt ra đến năm 2020 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 5/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành trung ương khóa X, cụ thể: *“Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn”;* *“sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả, duy trì diện tích đất lúa đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia trước mắt và lâu dài…”.*

***b) Góp phần hỗ trợ trực tiếp người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân***

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nông dân, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống nông dân, tạo việc làm cho khu vực nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. Nhờ đó nông dân có điều kiện tăng tích lũy vốn để tái đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và mở rộng sản xuất, ứng dụng khoa học kỹ thuật sản xuất nông nghiệp để tạo ra sản phẩm có năng suất và chất lượng cao hơn, từ đó, giải quyết việc làm cho nông dân, khuyến khích người nông dân gắn bó hơn với đất, yên tâm đầu tư sản xuất nông nghiệp.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông, góp phần khuyến khích tập trung đất nông nghiệp để phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản, tăng thu nhập cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp, từ đó nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo cho khu vực nông thôn.

Số liệu về miễn, giảm thuế SDĐNN qua từng thời kỳ[[1]](#footnote-1) như sau:

- Giai đoạn từ 2003 - 2010 theo Nghị quyết số 15/2003/QH11: Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 6.485.955 ha/năm; Tổng số đối tượng phải chịu thuế bình quân là 11.172.422 NNT/năm; Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm bình quân khoảng 6.049.112 ha/năm; Tổng số đối tượng được miễn, giảm: 10.870.015 NNT/năm; Tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 3.268,5 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2011 - 2016 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12: Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế là 7.216.938 ha/năm; Tổng số đối tượng phải chịu thuế bình quân 12.179.326 NNT/năm; Tổng diện tích đất nông nghiệp được miễn, giảm khoảng 7.076.894 ha/năm; Tổng số đối tượng được miễn, giảm bình quân là 12.069.071 NNT/năm; Tổng số thuế miễn, giảm là 6.308,3 tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn từ 2017 - 2018 theo Nghị quyết số 28/2016/QH14: Tổng diện tích đất nông nghiệp chịu thuế bình quân là 8.115.943 ha/năm; Tổng số đối tượng phải chịu thuế bình quân là 12.091.840 NNT/năm; Tổng số thuế miễn, giảm bình quân là 7.438,5 tỷ đồng/năm.

***c) Góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn***

Cùng với các chính sách ưu đãi khác, chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN góp phần khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển nông nghiệp toàn diện và bền vững.Việc ban hành các Nghị quyết miễn, giảm thuế SDĐNN đã thể hiện sự ưu đãi của Nhà nước đối với khu vực sản xuất nông nghiệp - khu vực đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế nhưng còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó, việc liên tục mở rộng đối tượng và diện tích đất được miễn, giảm thuế SDĐNN từ 2003 đến nay đã góp phần mang lại sự ưu đãi hợp lý đối với những đối tượng sử dụng nhiều đất vào sản xuất nông nghiệp, khuyến khích tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp ở quy mô lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa.

Việc miễn, giảm thuế SDĐNN trong các năm vừa qua đã được người nông dân đánh giá cao, tạo sự gắn bó giữa người nông dân với Nhà nước, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người nông dân, tạo động lực cho người nông dân gắn bó với ruộng đất hơn, chăm lo thâm canh phát triển sản xuất và ứng dụng công nghệ, giống mới vào sản xuất nông nghiệp.

***d) Góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế***

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là một trong những chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Trong những năm vừa qua, Quốc hội đã liên tiếp mở rộng diện miễn, giảm thuế SDĐNN nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần tạo nguồn lực cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp, tăng thế mạnh của nông sản Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới trong bối cảnh cạnh tranh thương mại khi tham gia các Hiệp định thương mại tự do. Việc hỗ trợ về thuế đối với khu vực sản xuất nông nghiệp trong những năm qua đã góp phần đưa Việt Nam dẫn đầu trong xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản (gỗ, thủy sản, điều, tiêu...), khẳng định năng lực cạnh trạnh của Việt Nam trong hoạt động sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN là phù hợp với cam kết của Việt Nam khi trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tiếp tục tạo môi trường đầu tư thuận lợi trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư quốc tế, đầu tư trong nước vào sản xuất nông nghiệp, góp phần đẩy nhanh quá trình CNH - HĐH đất nước.

***e) Góp phần* *tăng cường quản lý nhà nước đối với việc SDĐNN***

 Việc quản lý thu thuế SDĐNN hiện nay đã được quy định cụ thể, chi tiết trong các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hiệu quả hoá công tác quản lý thuế. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân SDĐNN có trách nhiệm kê khai theo mẫu của cơ quan thuế và gửi đến UBND xã, phường, thị trấn theo quy định. Sổ thuế SDĐNN được lập 1 lần sử dụng cho nhiều năm và được điều chỉnh lại hàng năm nếu căn cứ tính thuế thay đổi. Mặc dù được miễn, giảm thuế SDĐNN nhưng người nộp thuế vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế SDĐNN cùng giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế của năm đầu tiên và năm tiếp theo năm hết thời hạn miễn thuế, giảm thuế.

Việc kê khai xác định số thuế SDĐNN được miễn, giảm đã góp phần kiểm soát và quản lý việc SDĐNN tới từng xã; kiểm tra được sự biến động và tình hình quản lý, SDĐNN ở từng địa phương, trực tiếp phục vụ cho việc quản lý nhà nước về đất đai; chính quyền các cấp đã nắm bắt được hiện trạng đất đai, phát huy tốt vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý đất đai, góp phần kiểm soát được quỹ đất hiện có, tạo điều kiện thực hiện quản lý nhà nước về đất đai, hạn chế tình trạng giảm diện tích đất nông nghiệp.

*(Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN trình kèm).*

**3. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết**

***a) Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông thôn, nông dân***

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị.

Tại Kết luận số 36-KL/TW ngày 6/9/2018 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XI về “tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”, đã nêu giải pháp: *“Hoàn thiện chính sách thuế đối với đất nông nghiệp nhằm khuyến khích, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, khắc phục tình trạng đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích”.*

Tại Điều 142 Luật đất đai năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014) đã quy định:*“Nhà nước khuyến khích hình thức phát triển kinh tế trang trại của hộ gia đình, cá nhân nhằm khai thác có hiệu quả đất đai để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối gắn với dịch vụ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”*.

Tại Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã nêu rõ định hướng ưu tiên nhằm đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững là: *“chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, phát huy thế mạnh của từng vùng; phát triển sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng và hiệu quả; gắn sản xuất với thị trường trong nước và thị trường quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên (đất đai, nước, rừng, lao động và nguồn vốn)...”*.

Tại Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 2/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 nêu giải pháp*:“Tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển sản xuất hàng hóa theo hướng mở rộng quy mô trang trại”.*

 Tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn đã nêu rõ định hướng phát triển ngành nông nghiệp theo hướng:*“xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, khu nông nghiệp công nghệ cao...”; “tạo tiền đề triển khai tổ chức sản xuất trên cơ sở hợp tác, liên kết giữa người nông dân với doanh nghiệp, tổ chức đại diện của nông dân trong sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ nông sản trên cùng địa bàn, có quy mô ruộng đất lớn,* *với mục đích tạo ra sản lượng nông sản hàng hóa tập trung, chất lượng cao, tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân và các đối tác tham gia”.*

Thực hiện các chủ trương nêu trên, để khuyến khích hơn nữa tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; khuyến khích phát triển xây dựng cánh đồng lớn; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, đẩy nhanh ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ trong sản xuất nông nghiệp đạt năng suất, chất lượng cao thì cần thiết phải tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN trong giai đoạn tới.

***b) Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp***

Đối với doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp thì vốn và đất đai là hai nguồn lực quan trọng nhất. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tiếp cận đất đai, trong thời gian qua Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp[[2]](#footnote-2), trong đó có chính sách miễn thuế SDĐNN. Các chính sách này được đánh giá là có tác động tích cực, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp, thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

Hệ thống doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn đã hình thành với trên 50.000 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, trong đó khoảng 10.200 doanh nghiệp trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản (50% là trong lĩnh vực nông nghiệp, 35% trong lĩnh vực thủy sản và 15% trong lĩnh vực lâm nghiệp). Số doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 8% tổng số doanh nghiệp trên cả nước (trong đó có tới 96% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ)[[3]](#footnote-3). So với tiềm năng và tỷ trọng ngành nông nghiệp trong nền kinh tế, số lượng doanh nghiệp như hiện nay còn khá ít, quy mô của các doanh nghiệp nông nghiệp còn hạn chế, sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp còn rất khiêm tốn so với tiềm năng, lợi thế phát triển, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Theo đó, để góp phần đạt mục tiêu về số lượng doanh nghiệp hoạt động đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030 và tăng tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 3%/năm, việc tiếp tục thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN đối với các tổ chức trực tiếp SDĐNN để sản xuất nông nghiệp là một trong những giải pháp hỗ trợ hiệu quả.

Ngoài ra, thực tế hiện nay đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp chủ yếu là hộ gia đình, cá nhân lại khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước[[4]](#footnote-4). Do vậy, đối với hộ gia đình, cá nhân sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp cũng cần phải tiếp tục có chính sách ưu đãi miễn, giảm thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo. Việc thực hiện chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN đối với hộ gia đình, cá nhân cùng với các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ tạo ra thể chế chính sách ưu đãi thống nhất, hợp lý để khuyến khích các nguồn lực đầu tư của xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp.

***c) Tiếp tục góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế***

Hiện nay, Việt Nam đã đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và trở thành nước xuất khẩu nông sản đứng thứ hai Đông Nam Á, thứ 15 trên thế giới[[5]](#footnote-5). Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới gắn kết chặt chẽ với nền kinh tế khu vực và toàn cầu. Trong những năm qua, Việt Nam đã và đang thực hiện nhiều Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiêp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) với những cam kết sâu rộng. Các Hiệp định thương mại tự do tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế, tăng cường cơ hội thu hút dòng vốn FDI, tạo thuận lợi cho xuất khẩu một số hàng hóa có thế mạnh của Việt Nam, trong đó có các mặt hàng nông sản, nâng cao giá trị gia tăng của các ngành sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, hàng nông sản của các nước đối tác cũng được hưởng những thuận lợi tương tự khi vào thị trường Việt Nam, do đó sức ép cạnh tranh ngay tại thị trường trong nước cũng rất lớn đối với hàng nông sản của Việt Nam. Ngoài ra, trong những năm gần đây, với xu hướng bảo hộ mậu dịch[[6]](#footnote-6) của các nước trên thế giới và những thách thức nội tại của ngành nông nghiệp ngày càng trở nên khó khăn (như biến đổi khí hậu, liên kết giá trị nông sản, biến động giá thị trường...). Điều này đòi hỏi nông nghiệp Việt Nam phải được phát triển toàn diện, theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Vì vậy, để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tăng cường cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, phấn đấu đến năm 2030 đưa nông nghiệp Việt Nam đứng trong số 15 nước phát triển nhất thế giới thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một giải pháp khuyến nông cần thiết để nâng cao giá trị gia tăng và kết nối chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững.

***d) Tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới***

Giải quyết việc làm cho nông dân là nhiệm vụ ưu tiên xuyên suốt trong mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề lao động có vai trò quan trọng, mang tính cấp thiết, lâu dài đối với sự phát triển bền vững nền kinh tế. Một trong những mục tiêu quan trọng của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là giải quyết việc làm và chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động nông thôn. Mặc dù trong những năm qua, xu hướng đô thị hóa đang gia tăng, nhưng khoảng 60% lực lượng lao động nước ta tập trung ở nông thôn[[7]](#footnote-7), năng suất lao động nông nghiệp thấp, tỷ suất lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp không cao nên sản phẩm thặng dư do ngành nông nghiệp tạo ra là ít.

Xét về mặt kinh tế thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là biện pháp khuyến nông thông qua thuế, tạo cơ sở cho tập trung đất nông nghiệp để phát triển nông nghiệp hiện đại theo hướng ứng dụng khoa học kỹ thuật, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tỷ trọng lao động nông nghiệp ở nông thôn. Hiệu ứng về mặt xã hội của chính sách miễn thuế SDĐNN là thông qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển hình thức kinh tế trang trại và ứng dụng khoa học công nghệ đã tạo ra nhiều việc làm hơn trong khu vực nông thôn, giảm áp lực lao động đi làm tại các địa phương khác hoặc xuất khẩu lao động, từ đó giúp tăng thu nhập cho lực lượng lao động nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Theo đó, bên cạnh các chính sách nâng cao năng lực, đào tạo lao động ngành nông nghiệp của Nhà nước để tăng năng suất lao động, tạo nguồn lực phát triển nông nghiệp thì việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN là một trong các giải pháp phù hợp nhằm tạo thêm việc làm trong lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, góp phần xóa đói giảm nghèo.

***e) Phù hợp với thông lệ quốc tế***

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy phần lớn các nước đều đưa đất nông nghiệp vào đối tượng chịu thuế tài sản (như: Canada, Argentina; Chi-lê, Mê-xi-cô, Ấn Độ) hoặc thuế nhà, đất (như Indonexia) hoặc thuế đất (như Úc, Đức, Thái lan). Một số ít nước ban hành Luật thuế riêng về SDĐNN tương tự Việt Nam *(như: Albania, Bulgari, Georgia, Ba lan, Trung Quốc...).*

Tùy vào mục tiêu khác nhau như mục tiêu chính trị, mục tiêu khuyến khích đầu tư sản xuất nông nghiệp hoặc hoặc mục tiêu giảm chi phí quản lý thuế[[8]](#footnote-8) mà các nước có các chính sách ưu đãi thuế đối với việc SDĐNN khác nhau như: áp dụng mức thuế suất đối với đất nông nghiệp thấp hơn mức thuế suất đối với đất ở, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp *(Nga, Canada, Thái Lan, Hàn Quốc...)*; miễn một phần hay toàn bộ số thuế phải nộp *(Úc, Ba Lan, Colombia, Nicaragua, Cộng hòa Domenica, Campuchia, Mông Cổ...)*, hay không đưa đất sử dụng sản xuất nông nghiệp vào diện chịu thuế *(Thụy Điển, Italia, Anh,...)*.

Bên cạnh các chính sách hỗ trợ, khuyến khích dành cho lĩnh vực nông nghiệp[[9]](#footnote-9), trợ cấp nông nghiệp[[10]](#footnote-10) thì miễn thuế SDĐNN được sử dụng chủ yếu như một kênh hỗ trợ người nông dân và khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, hướng tới phát triển nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực.

Như vậy, việc tiếp tục duy trì miễn thuế SDĐNN là phù hợp với thông lệ quốc tế trong việc sử dụng chính sách thuế như công cụ tài chính để góp phần khuyến khích phát triển nền sản xuất nông nghiệp.

*(Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về chính sách thuế SDĐNN trình kèm).*

Như vậy, để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH - HĐH; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế thì cần thiết tiếp tục miễn thuế SDĐNN cho giai đoạn tiếp theo.

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Tài chính kiến nghị với Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội bổ sung dự án Nghị quyết về miễn thuế SDĐNN vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020 nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

**1. Thể chế hoá chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.**

**2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông dân, nông thôn, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế.**

**3. Kế thừa các quy định của pháp luật hiện hành về chính sách miễn, giảm thuế SDĐNN còn còn phù hợp.**

**4. Phù hợp với thông lệ quốc tế.**

**III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết quy định về các trường hợp miễn thuế SDĐNN; thời hạn miễn thuế SDĐNN.

 **2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân SDĐNN.

**IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT**

**1. Về các trường hợp miễn thuế SDĐNN**

***a) Mục tiêu cần đạt được***

- Quy định cụ thể các trường hợp được miễn thuế trên cơ sở rà soát, kế thừa các quy định hiện hành.

- Phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai hiện hành.

***b) Nội dung của chính sách***

Theo quy định hiện hành thì chính sách thuế SDĐNN đang được miễn đến hết 31/12/2020 theo Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14 để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong việc khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đối với diện tích đất nông nghiệp mà Nhà nước giao cho tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác đang quản lý nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế SDĐNN.

Việc miễn thuế SDĐNN trong thời gian qua mặc dù làm giảm thu ngân sách nhà nước (tổng số thuế miễn, giảm giai đoạn 2003 - 2010 trung bình khoảng 3.268,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn từ 2011 - 2016 trung bình khoảng 6.308,3 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2017 - 2018 và dự kiến đến hết năm 2020 khoảng 7.438,5 tỷ đồng/năm). Tuy nhiên, đây là giải pháp góp phần thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng hiện đại hóa, giảm bớt khó khăn cho người nông dân, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển bền vững; và phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế. Đồng thời, việc quy định miễn thuế SDĐNN không gây xung đột, vướng mắc trong quan hệ thương mại với các nước, không vi phạm các cam kết quốc tế của Việt Nam khi gia nhập WTO. Phần lớn các địa phương đều cho rằng việc tiếp tục miễn thuế SDĐNN như quy định hiện hành cho giai đoạn tiếp theo là cần thiết.

Để tiếp tục thực hiện kết quả đạt được của việc miễn thuế SDĐNN, phù hợp với định hướng của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; tiếp tục khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích kinh tế trang trại; góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nông thôn theo hướng CNH - HĐH; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; tiếp tục hỗ trợ tạo công ăn việc làm cho khu vực nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống người nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới và vẫn đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế, Bộ Tài chính trình Chính phủ tiếp tục thực hiện miễn thuế SDĐNN đối với các đối tượng như quy định hiện hành tại Nghị quyết số 55/2010/QH12 và Nghị quyết số 28/2016/QH14 từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2030 (trong đó có hoàn chỉnh lại một số câu chữ cho phù hợp với quy định của Luật đất đai 2013), cụ thể như sau:

“1. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp phục vụ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm *mà chưa chuyển sang thuê đất[[11]](#footnote-11)*.

2. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất trồng cây hàng năm có ít nhất một vụ lúa trong năm; diện tích đất làm muối.

3. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ nghèo, *cộng đồng dân cư[[12]](#footnote-12).*

4. Miễn thuế SDĐNN đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp cho các đối tượng sau đây:

a) Hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển quyền sử dụng đất;

b) Hộ gia đình, cá nhân là thành viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp góp quyền sử dụng đất nông nghiệp của mình để thành lập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo quy định của Luật hợp tác xã.

5. Miễn thuế SDĐNN đối với diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho *tổ chức[[13]](#footnote-13)* đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

Tổ chức được Nhà nước giao đất nông nghiệp nhưng không trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp mà giao cho tổ chức, cá nhân khác nhận thầu theo hợp đồng để sản xuất nông nghiệp thì thực hiện thu hồi đất theo quy định của Luật đất đai; trong thời gian Nhà nước chưa thu hồi đất thì phải nộp 100% thuế”.

Với đề xuất miễn, giảm thuế SDĐNN cho giai đoạn 2021-2030 như quy định hiện hành thì số thuế SDĐNN được miễn khoảng 7.500 tỷ đồng/năm. Đây sẽ tiếp tục là hình thức hỗ trợ trực tiếp tới người nông dân, là nguồn đầu tư tài chính quan trọng trực tiếp cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, nông dân để đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, qua đó giúp người nông dân cải thiện cuộc sống, giảm bớt khó khăn, gắn bó với hoạt động sản xuất nông nghiệp.

**2. Về thời hạn miễn thuế SDĐNN**

***a) Mục tiêu cần đạt được***

- Đảm bảo phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội.

- Phù hợp với chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Phù hợp với thực tế sản xuất nông nghiệp.

***b) Nội dung chính sách***

Đề xuất thời gian miễn thuế SDĐNN là 10 năm (từ 01/01/2021 đến hết 31/12/2030).

Việc đề xuất miễn thuế trong vòng 10 năm là hợp lý vì: Trong 10 năm tới đời sống nông dân mặc dù sẽ được cải thiện nhưng vẫn còn khó khăn so với mặt bằng chung của xã hội. Thời hạn 10 năm có ý nghĩa về mặt chính trị, góp phần động viên người nông dân yên tâm sản xuất, thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt với cây lâu năm. Ngoài ra, miễn thuế trong giai đoạn 10 năm cũng tương ứng và phù hợp với các điều kiện cam kết về hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần hỗ trợ cho người nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

**3. Điều khoản thi hành:**

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 (nối tiếp thời gian miễn thuế SDĐNN theo quy định hiện hành đến hết 31/12/2020).

- Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, đối tượng được miễn thuế SDĐNN không quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật thuế SDĐNN.

**V. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Từ những nội dung của dự án Nghị quyết nêu trên, để triển khai Nghị quyết kịp thời, hiệu quả và đúng đối tượng sử dụng đất, cần phải có giải pháp sau đây:

1. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ để tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách và tổ chức hiệu quả, đảm bảo công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội.

2. Tiếp tục xây dựng nâng cấp cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin về đất nông nghiệp phục vụ yêu cầu quản lý thu thuế, miễn thuế SDĐNN.

**VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Dự kiến nguồn lực**

Dự kiến nguồn lực để thi hành Nghị quyết như sau:

- Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương;

- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

**2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết**

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Nghị quyết phù hợp với quy định của pháp luật về thuế SDĐNN và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Bộ Tài chính có chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

+ Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

**VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, QUỐC HỘI**

Dự án Nghị quyết dự kiến trình Ủy ban thường vụ Quốc hội tại kỳ họp tháng 8/2020, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp tháng 10/2020.

 Trên đây là nội dung đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết của Quốc hội về miễn thuế SDĐNN. Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

*(Xin trình kèm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách miễn thuế SDĐNN; Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Nghị quyết).*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế;- Tổng cục Thuế;- Lưu: VT, CST (P4). |  | BỘ TRƯỞNG  Đinh Tiến Dũng |

1. Số liệu sơ bộ được tổng hợp trên cơ sở số liệu của các địa phương cung cấp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số [210/2013/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-210-2013-nd-cp-khuyen-khich-doanh-nghiep-dau-tu-vao-nong-nghiep-nong-thon-216825.aspx) ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 của Chính phủ về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. [↑](#footnote-ref-3)
4. Trong các chính sách ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp thì đối tượng được hỗ trợ chủ yếu là doanh nghiệp, trong đó người sản xuất nông nghiệp thường có quy mô nông hộ hoặc trang trại. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 17/7/2019 về giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững. [↑](#footnote-ref-5)
6. Bảo hộ mậu dịch là một thuật ngữ kinh tế học, chỉ việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ ngành sản xuất hàng hóa (hay dịch vụ) của quốc gia bằng cách nâng cao tiêu chuẩn như chất lượng, vệ sinh, an toàn, lao động, môi trường, xuất xứ… hoặc áp đặt thuế suất nhập khẩu cao đối với một số mặt hàng; được sử dụng trong quan hệ thương mại giữa các nước. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo số liệu thống kê thì tính đến hết năm 2017 cả nước hiện có khoảng 17 triệu thanh niên nông thôn có độ tuổi từ 15-30, chiếm 70% số thanh niên và 60% lao động nông thôn. [↑](#footnote-ref-7)
8. Việc miễn thuế đất nông nghiệp được coi là hiệu quả và hợp lý do thuế đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân thường có số thu nhỏ, chi phí thu, nộp và quản lý cao (như Tan-za-ni-a, Tuy-ni-zi). [↑](#footnote-ref-8)
9. Như không đánh thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất nông nghiệp (Ấn Độ); ưu đãi thuế VAT đối với các sản phẩm nông nghiệp (Mỹ, Hà Lan), miễn thuế chuyển nhượng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân (Úc). [↑](#footnote-ref-9)
10. Ví dụ như nông dân các nước khu vực Châu Âu đều được hưởng chương trình trợ cấp nông nghiệp (EU’s Common Agricultural Policy) vì họ sở hữu hoặc quản lý đất đai. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì trường hợp này thuộc đối tượng được nhà nước cho thuê đất và không phải nộp thuế SDĐNN, tuy nhiên thực tế một số trường hợp vẫn chưa được chuyển sang thuê đất do nhiều nguyên nhân, theo đó trường hợp chưa chuyển sang thuê đất thì phải nộp thuế SDĐNN và được miễn thuế để khuyến khích nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm những sản phẩm nông nghiệp mới. [↑](#footnote-ref-11)
12. Theo Luật đất đai 2013 thì cộng đồng dân cư SDĐNN theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, nên thuộc đối tượng chịu thuế SDĐNN theo quy định của Luật thuế SDĐNN, do đó phải bổ sung thêm cộng đồng dân cư vào đối tượng miễn thuế. [↑](#footnote-ref-12)
13. Theo quy định của Luật đất đai 2013 thì tổ chức, gọi chung của tổ chức kinh tế, gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật dân sự. Do đó chỉ cần quy định chung là tổ chức. [↑](#footnote-ref-13)